

Bản án số: 20/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 16-4-2024

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thủy.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Mai Thị Bình, bà Dương Thị Thắm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Yên Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 16/4/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 08/2024/TLST - HNGĐ ngày 09/01/2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 18/3/2024 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị **Mai Thị H** - Sinh năm 2002 – Địa chỉ: **Thôn M, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa** - Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh **Mai Văn Q** - Sinh năm 1988 - Địa chỉ: **Thôn M, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa** - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/12/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Mai Thị H** trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh **Mai Văn Q** kết hôn ngày 01/4/2021, trên cơ sở tự nguyện được **UBND xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa** cấp đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, hai vợ chồng chung sống hòa thuận, yêu thương, chăm sóc nhau. Thời gian sau, hai bên mâu thuẫn trầm trọng về mặt tình cảm lẫn quan điểm sống. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống trong việc nuôi dạy con cái và gia đình chồng, mặc dù đã cố gắng nhường nhịn nhau nhưng cũng không thể kiểm soát cảm xúc khi nói chuyện với nhau. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 11/2023 đến nay. Nay chị thấy cuộc hôn nhân này mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu được ly hôn anh **Q** theo quy định của pháp luật.

Về con: Vợ chồng chị có 01 con chung là **Mai Tường V** - sinh ngày: 26/4/2022. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con, yêu cầu anh **Q** cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng là 3.000.000đ. Vì anh **Q** chơi lô đề, bài bạc nợ nần bắt chị

phải có trách nhiệm trả nợ, chị không nghe anh Q đuổi chị ra khỏi nhà nên chị đã xin bố mẹ chồng ra ngoài ở riêng. Trong thời gian chị đi làm, anh Q không hỗ trợ chị chăm sóc con. Chị ra ngoài ở nên để con ở với anh Q và ông bà nội nhưng thỏa thuận một tuần ở với mẹ, một tuần ở với bố. Đến tuần chị về đón con thì ông bà nội không cho chị đón và đuổi chị ra khỏi nhà nên khoảng 02 tháng nay chị không về nữa. Chị làm nhân viên bán hàng ở F ở thị trấn N, thu nhập mỗi tháng khoảng 4.500.000đ đến 6.000.000đ.

Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng chị không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 06/3/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Mai Văn Q trình bày:

Về hôn nhân: Ngày tháng năm, cơ sở kết hôn như chị H trình bày là đúng. Quá trình chung sống đến nay xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống, bố mẹ chồng nói chị H không nghe, dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn. Anh và chị H đã sống ly thân nhau từ tháng 11/2023 cho đến nay. Nay chị H yêu cầu ly hôn, anh đồng ý.

Về con: Vợ chồng anh có 01 con chung như chị H khai. Anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Vì sức khỏe của chị H không đảm bảo, không biết nấu ăn cho con, hiện nay chị H đang ở nhà trọ và đi làm suốt ngày nên không có thời gian cho con. Trước đây, anh làm ở Siêu thị điện máy, thu nhập mỗi tháng khoảng 9.000.000đ đến 10.000.000đ, nhưng hiện nay anh đang tạm nghỉ việc. Nếu chị H được quyền nuôi con, anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng anh không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vụ án có liên quan đến người chưa thành niên nên Tòa án tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo quy định tại khoản 3 Điều 208 BLTTDS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Mai Thị H và anh Mai Văn Q. Về con: Giao cháu Mai Tường V - sinh ngày: 26/4/2022 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về án phí: Chị H và anh Q phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị **Mai Thị H** có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh **Mai Văn Q** có địa chỉ ở **thôn M, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa**. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Nga Sơn.

[2] Về hôn nhân:

Chị **Mai Thị H** và anh **Mai Văn Q** kết hôn ngày 01/4/2021, trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình đồng ý, không cản trở, cưới có đăng ký kết hôn, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Sau ngày kết hôn, anh chị chung sống được thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị **H** là do bất đồng quan điểm sống trong việc nuôi dạy con cái và gia đình chồng, mặc dù đã cố gắng nhường nhịn nhau nhưng cũng không thể kiểm soát cảm xúc khi nói chuyện với nhau. Còn theo anh **Q** là do hai vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống, bố mẹ chồng nói chị **H** không nghe, dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn. Anh, chị đã sống ly thân từ tháng 11/2023 đến nay. Nay chị **H** thấy tình cảm không còn nên yêu cầu ly hôn, anh **Q** đồng ý ly hôn.

HĐXX xét thấy, cả chị **H** và anh **Q** đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và đã có thời gian sống ly thân nhau. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay cũng đã có thời gian để cho anh, chị suy nghĩ lại và Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng anh, chị không đoàn tụ được. Mặt khác, tại biên bản xác minh ngày 20/01/2024, đại diện **thôn M, xã N** cho biết: Anh **Q** và chị **H** sau khi kết hôn chung sống với nhau hay xảy ra mâu thuẫn, từ cuối năm 2023 đến nay, chị **H** chuyển ra ngoài không sống chung với anh **Q**.

Như thế chứng tỏ cuộc hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Mai Thị H** và anh **Mai Văn Q**.

[3] Về con chung: Chị **H** và anh **Q** có 01 con chung là **Mai Tường V** - sinh ngày: 26/4/2022. Cả chị **H** và anh **Q** đều yêu cầu được trực tiếp nuôi con.

HĐXX thấy, nguyện vọng yêu cầu được nuôi con của cả hai bên đương sự đều phù hợp, vì cha, mẹ đều có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên. Tuy nhiên, cháu **V** đang còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi. Mặt khác, cháu **V** là con gái cùng giới tính với chị **H**. Vì vậy, cần xử giao cháu **V** cho chị **H** trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật.

Về mức cấp dưỡng: Chị **H** yêu cầu anh **Q** cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 3.000.000đ/tháng, anh **Q** không đồng ý. Xét thấy, người không trực tiếp nuôi con phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên, anh **Q** đang trong thời gian nghỉ việc nên thu nhập không ổn định. Do đó, cần buộc anh **Q** cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị **H** là 1.500.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 4/2024 cho đến khi cháu **V** thành niên là phù hợp.

[4] Về tài sản và nợ chung: Chị **H** và anh **Q** không yêu cầu giải quyết, nên miễn xét.

[5] Về án phí: Chị **Mai Thị H** và anh **Mai Văn Q** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật TTDS năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Mai Thị H** và anh **Mai Văn Q**.

2. Về con: Giao cháu **Mai Tường V** - sinh ngày: 26/4/2022 cho chị **H** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh **Q** có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị **H** là 1.500.000đ/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 4/2024 cho đến khi cháu **V** thành niên. Anh **Q** có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị **Mai Thị H** phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST mà chị đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005236 ngày 05/01/2024 của **Chi cục THADS huyện N**; chị **H** đã nộp đủ tiền án phí DSST.

Anh **Mai Văn Q** phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí DSST về cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

4. Về quyền kháng cáo: Chị **H**, anh **Q** có quyền kháng bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7, 7a và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Nga Sơn;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
- UBND xã Nga Thiện, huyện Nga Sơn;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Thủy